

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HS-ST
Ngày 17 - 01 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đình Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Trí Thức.

Ông Phùng Mạnh Cường .

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 218/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Vi Văn K; tên gọi khác: Không, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1995 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu và nơi thường trú: thôn B, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn X, sinh năm 1962 và con bà Đỗ Thị N, sinh năm 1963; vợ, con: chưa có; tiền án: Có 03 tiền án, cụ thể: Tại bản án số 23/2013/HSST ngày 07/3/2013 của Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản; bản án số: 24/2013/HSST ngày 18/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản; bản án số: 11/2015/HSST ngày 16/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm tù giam về Tội trộm cắp tài sản, tính đến nay chưa được đương nhiên xóa án; nhân thân: Không bị xử lý hành chính và xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 03/11/2018 đến nay, có mặt.

- Bị hại: Anh Lê Quốc M, sinh năm 1978, trú tại: Số nhà 05, ngõ 01, phố M, phường T, thành phố La, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lưu Văn T; địa chỉ: Số 246, đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
2. Chị Lưu Thị V; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 12 năm 2017 Vi Văn K đến quán điện tử Internet số 43/01, Phố M, phường T, thành phố L chơi điện tử, đến khoảng 19 giờ Vi Văn K thấy anh Lê Quốc M để chìa khóa xe mô tô và chiếc mũ bảo hiểm trên bàn đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, lợi dụng lúc anh Lê Quốc M chuyển vị trí ngồi chơi sang máy khác nhưng không cầm theo chìa khóa, Vi Văn K lấy mũ và chìa khóa xe của anh Lê Quốc M ra ngoài cửa quán Internets nổ máy điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Jupier biển kiểm soát 12H1 - 115xx của anh Lê Quốc M đi đến khu Công nghiệp Q, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Tại đây, Vi Văn K bán xe trộm cắp được cho một người đàn ông không rõ tên, địa chỉ được 5.000.000 đồng và tiêu sài cá nhân hết.

Tại các biên bản định giá tài sản tố tụng hình sự số: 190 ngày 13/12/2017 và số: 207 ngày 03/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thành phố L xác định xe mô tô hiệu Yamaha Jupier biển kiểm soát 12H1 - 115xx trị giá 20.300.000 đồng, mũ bảo hiểm Vi Văn K trộm cắp của anh Lê Quốc M trị giá 120.000 đồng.

Quá trình điều tra, do Vi Văn K không biết tên, địa chỉ người đàn ông mua xe tại khu Công nghiệp Q, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh, nên Cơ quan điều tra chưa thu hồi được xe mô tô biển kiểm soát 12H1 - 115xx.

Tại cáo trạng số: 06/KSĐT ngày 25/12/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, đã truy tố bị cáo Vi Văn K về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa Vi Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Bị hại anh Lê Quốc M yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với tổng số tiền là: 20.420.000 đồng.

Bị cáo cũng nhất trí bồi thường cho bị hại với số tiền nêu trên là: 20.420.000 đồng.

Tại phần tranh luận Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn luận tội bị cáo Vi Văn K phạm tội Trộm cắp tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 41 của Bộ luật Hình sự 1999, xử phạt Vi Văn K từ 30 đến 36 tháng tù. Về hình phạt bổ sung, thấy bị cáo không có tài sản riêng nên đề nghị

không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về phần dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại về tài sản giữa bị cáo với bị hại số tiền là: 20.420.000 đồng. Về vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 đề nghị: Trả lại các tài sản bị tạm giữ cho bị cáo, do không liên quan đến việc phạm tội.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, đều thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Bị hại không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại số: 43/01, Phố M, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản Vi Văn K đã có hành vi lén lút trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 12H1-115xx và 01 mũ bảo hiểm có tổng trị giá 20.420.000 đồng của anh Lê Quốc M đem đi bán cho một người không quen biết được 5.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản. Trước đó bị cáo đã có 03 tiền án chưa được xóa án tích, cụ thể Tại bản án số 23/2013/HSST ngày 07/3/2013 của Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản; bản án số: 24/2013/HSST ngày 18/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản; bản án số: 11/2015/HSST ngày 16/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm tù giam về Tội trộm cắp tài sản, bị cáo đã tái phạm chưa được xóa án tích lần nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nay là điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 để xử phạt đối với bị cáo với tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm. Nhận thấy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội. Theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội về việc thi

hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số: 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, quy định chỉ áp dụng khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với người thực hiện hành vi phạm tội từ 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018. Thấy hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện ngày 12 tháng 12 năm 2017 là trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 và mức hình phạt của tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 với tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đều có mức hình phạt ngang bằng nhau, nên áp dụng Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt đối với các bị cáo là đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu trong nhân dân, bị cáo là người đủ nhận thức về hành vi của mình và đã bị xét xử hình sự nhiều lần, nhưng không lấy đó làm bài học mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần phải xử lý bị cáo về hình sự và cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, về mức hình phạt xét thấy đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Về hình phạt bổ sung, xét thấy bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có, do các lần phạm tội trước đã tính là tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm, nên không áp dụng làm tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa, tại Cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó, được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Về nhân thân, bị cáo có 03 tiền án và chưa bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật lần nào, cho thấy bị cáo là người có ý thức chấp hành pháp luật kém và thường xuyên vi phạm pháp luật nên cần phải xử phạt nghiêm khắc để giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

[5] Về phần dân sự: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo với bị hại, cụ thể. Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bị hại với tổng số tiền là 20.420.000 đồng. Thấy sự tự nguyện thỏa thuận trên không trái với pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận.

[6] Vật chứng gồm: 6.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA; 01 đồng hồ kim loại màu trắng, thấy không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 61; Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo là người bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 và Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 136; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và các Điều 584; 585; 589; 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Vi Văn K phạm tội Trộm cắp tài sản. Xử phạt bị cáo Vi Văn K 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt để tạm giữ, tạm giam là ngày 03 tháng 11 năm 2018.

2. Về phần dân sự: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo với bị hại, cụ thể: Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bị hại với tổng số tiền là 20.420.000,đ (*Hai mươi triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Lê Quốc M có đơn yêu cầu thi hành án nêu bị cáo Vi Văn K không thi hành xong khoản tiền trên thì còn phải trả lãi tương ứng với số tiền chậm trả theo quy định Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Việc xử lý vật chứng xử lý như sau: Trả lại cho bị cáo Vi Văn K 01 điện thoại di động hiệu NOKIA; 01 đồng hồ kim loại màu trắng (Các vật chứng trên chi tiết được miêu tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/12/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố L với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L).

Trả lại cho bị cáo Vi Văn K 6.000 đ (Sáu nghìn đồng), số tiền này hiện đang được tạm giữ tại số: 3949.0.1054411.00000 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại giấy Ủy nhiệm chi số: 45 ngày 16/01/2019 của Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Vi Văn K phải chịu 200.000,đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.021.000,đ (*Một triệu không trăm hai mươi một nghìn đồng*) án phí dân sự có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi người đó thường trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Lạng Sơn;
- Cơ quan thi hành án Hình sự
Công an thành phố Lạng Sơn;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi,
nghĩa vụ liên quan;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn; Chi cục
THA Dân sự TP. Lạng Sơn (Khi án
có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lương Đình Phương